

Số: 05 /ĐA-UBND

Côn Đảo, ngày 04 tháng 4 năm 2019

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, sáp nhập các khu dân cư trên địa bàn huyện Côn Đảo

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, Tổ dân phố;

Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 19/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Công văn số 2649/UBND-SNV ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cho chủ trương sáp nhập các ấp trên địa bàn xã Phước tinh thuộc huyện Long Điền và các khu dân cư trên địa bàn huyện Côn Đảo;

Công văn số 1321-CV/HU ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Huyện ủy Côn Đảo cho ý kiến về phương án sắp xếp, sáp nhập khu dân cư huyện Côn Đảo.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP, SÁP NHẬP CÁC KHU DÂN CƯ

1. Đặc điểm chung

Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm ở vùng biển phía Đông Nam nước ta, có tọa độ 8°34' đến 8°49' vĩ độ Bắc và 106°31' đến 106°45' kinh độ Đông, cách thành phố Vũng Tàu 185km, cách thành phố Hồ Chí Minh 230km và cách cửa sông Hậu 83km. Côn Đảo bao gồm một hệ thống với 16 hòn đảo lớn nhỏ với tổng diện tích 76 km².

Huyện Côn Đảo là một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Côn Đảo chỉ có chính quyền cấp huyện, không có chính quyền cấp xã trực thuộc; dưới cấp huyện gồm có 10 khu dân cư. Vào năm 2001, UBND huyện Côn Đảo thành lập 09 khu nhân dân tự quản trực thuộc UBND huyện (tại Quyết định số 617/QĐ.UB ngày 31/12/2001). Đến năm 2002, 09 khu nhân dân tự quản được đổi tên thành 09 khu dân cư trực thuộc UBND huyện Côn Đảo (tại Quyết định số 81/QĐ.UB ngày 28/02/2002 của UBND huyện). Đến năm 2010, thành lập khu dân cư số 10 trên cơ sở chia tách một phần diện tích và dân số khu dân cư số 3 (tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 26/02/2010 của UBND huyện). Hệ thống khu dân cư có vị trí hết sức quan trọng, nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động, tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao. Ở các khu dân cư có đầy đủ chi bộ khu dân cư, Ban Công tác Mặt trận cơ sở và các đoàn thể khu dân cư. Huyện Côn Đảo có **2.266 hộ/8.979** khẩu phân bố trên địa bàn 10 khu dân cư, trong đó có 03 khu dân cư dưới 200 hộ gia đình, chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn về quy mô dân số theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh.

Trên địa bàn huyện hiện nay có 07 chi bộ, 10 khu dân cư, 41 tổ dân cư; 139 người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư. Tổng nguồn ngân sách phải chi hỗ trợ cho khu dân cư hàng năm là 3.434.625.600 đồng.

2. Sự cần thiết sắp xếp

Thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 19/3/2018 của của ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Xuất phát từ thực trạng các khu dân cư trên địa bàn huyện có sự khác biệt về diện tích, quy mô dân số giữa các khu dân cư không đồng đều.

Theo Quyết định thành lập khu dân cư vào năm 2001, đường ranh giới của một số khu dân cư chưa theo điểm tọa độ mà tính theo độ cao (độ cao 25); diện tích tự nhiên chưa bao gồm đất vườn quốc gia.

Có nhiều tuyến đường được nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới nên cần được sắp xếp để đáp ứng yêu cầu khách quan, phù hợp với khả năng quản lý của khu dân cư và sự phát triển chung của huyện Côn Đảo, đáp ứng yêu cầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Côn Đảo.

Việc sắp xếp, sáp nhập các khu dân cư trên địa bàn huyện thực hiện đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tập trung nguồn lực cho việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và được đa số nhân dân đồng tình ủng hộ (trên 50%).

III. HIỆN TRẠNG CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÔN ĐẢO

1. Khu dân cư số 1

- Vị trí địa lý:

+ Phía Đông, phía Tây: Giáp biển.
+ Phía Nam và Phía Bắc: giáp Vườn Quốc gia Côn Đảo từ cao độ 25 trở xuống.

- Diện tích tự nhiên: 385,71 ha.
- Dân số: Có 61 hộ/177 khẩu.
- Tổ dân cư: 0.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

2. Khu dân cư số 2

- Vị trí địa lý:
+ Phía Đông: Từ cổng Quang Trung theo mương thủy lợi chạy thẳng ra mũi Lò Vôi.
+ Phía Tây: Từ cao độ 25 của đường Ông Đụng chạy dọc theo cao độ 25 giáp ranh Vườn Quốc gia Côn Đảo đến mũi Lò Vôi.
+ Phía Nam: Từ cao độ 25 theo đường Ông Đụng xuống ngã ba Hương Lộ theo đường Võ Thị Sáu đến cổng Quang Trung.
+ Phía Bắc: Giáp với rừng Vườn Quốc gia Côn Đảo tính từ cao độ 25 trở xuống.

- Diện tích tự nhiên: 64 ha
- Dân số: Có 302 hộ/1.236 khẩu.
- Tổ dân cư: 04 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

3. Khu dân cư số 3

- Vị trí địa lý:
+ Phía Đông giáp: khu dân cư số 5, 6.
+ Phía Tây giáp biển
+ Phía Nam giáp khu dân cư số 10
+ Phía Bắc giáp khu dân cư số 2
- Đường ranh giới: Xuất phát từ cổng Quang Trung theo đường Võ Thị Sáu đến ngã ba đường Võ Thị Sáu – Phan Châu Trinh, rẽ trái theo đường Phan Châu Trinh đến ngã ba đường Phan Châu Trinh – đường mòn đi Ông Đụng rẽ phải, đi về hướng Ông Đụng đến bờ biển Ông Đụng, rẽ trái theo bờ biển đến bãi Dài, cắt ngang độ cao 283, 391, 354 đến mũi Cá Mập, rẽ trái theo đường Bến Đầm về hướng cổng An Hải. Từ cổng An Hải theo đường Hoàng Phi Yến (gồm cả diện tích mặt nước hồ An Hải nằm bên trái đường Hoàng Phi Yến) đến ngã ba đường Huỳnh Thúc Kháng – Nguyễn Văn Linh. Từ ngã ba đường Huỳnh Thúc Kháng – Nguyễn Văn Linh theo đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba đường Nguyễn Văn Linh – đường mòn ven hồ Quang Trung, rẽ trái theo đường mòn ven hồ Quang Trung đến cổng Quang Trung (gồm cả diện tích mặt nước hồ Quang Trung).

- Diện tích tự nhiên: 1.321 ha
- Dân số: Có 357 hộ/1.456 khẩu.
- Tổ dân cư: 07 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

4. Khu dân cư số 4

- Vị trí địa lý:
 - + Phía Đông, Phía Nam: Giáp biển từ cổng An Hải đến đầu đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong).
 - + Phía Tây: Giáp Khu số 6 từ ngã tư Nguyễn Huệ với Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong) theo đường Nguyễn Huệ đến cổng An Hải giáp Khu số 3.
 - + Phía Bắc: Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong) (đoạn từ ngã tư đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Nguyễn Huệ xuống bờ biển).

- Diện tích tự nhiên: 8,85 ha
- Dân số: Có 57 hộ/216 khẩu.
- Tổ dân cư: 01 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

5. Khu dân cư số 5

- Vị trí địa lý:
 - + Phía Đông: Giáp khu dân cư số 4. Từ cổng An Hải theo đường Nguyễn Huệ (nay là đường Nguyễn Đức Thuận) về ngã tư giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong).
 - + Phía Tây: Giáp Khu số 3. Từ cuối đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong) chạy qua giữa Hồ Quang Trung đến đường Hoàng Phi Yến.
 - + Phía Nam: Giáp Khu số 3 (đoạn từ ngã ba đường Hoàng Phi Yến đến Cổng An Hải).
 - + Phía Bắc: Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai. Từ giáp ranh đường Nguyễn Huệ kéo về hồ Quang Trung).

- Diện tích tự nhiên: 45 ha
- Dân số: Có 297 hộ/1.037 khẩu.
- Tổ dân cư: 05 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

6. Khu dân cư số 6

- Vị trí địa lý:

+ Phía Đông: Dọc bờ biển từ đầu đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong) đến đầu đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ).

+ Phía Tây: Giáp Hồ Quang Trung. Từ cổng Quang Trung chạy qua hồ Quang Trung đến giáp cuối đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong).

+ Phía Nam: Giáp toàn bộ đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là đường Lê Hồng Phong) (giáp Khu số 4 và Khu số 5).

+ Phía Bắc: Dọc theo đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ) qua đường Nguyễn Huệ về đường Võ Thị Sáu chạy đến cổng Quang Trung.

- Diện tích tự nhiên: 15 ha

- Dân số: Có 207 hộ/875 khẩu.

- Tổ dân cư: 04 tổ.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

7. Khu dân cư số 7

- Vị trí địa lý:

+ Phía Đông: Từ đầu đường Đất Đỏ (nay là đường Phạm Văn Đồng) chạy dài qua đường Nguyễn An Ninh (qua Nghĩa trang Hàng Dương) về đến cổng Tam Lộ.

+ Phía Tây: Giáp Khu số 2 (từ cổng Tam Lộ theo đường mương thủy lợi đến cổng Quang Trung).

+ Phía Nam: Giáp Khu số 6 (theo đường Võ Thị Sáu) từ cổng Quang Trung đến đầu đường Đất Đỏ (nay là đường Phạm Văn Đồng).

+ Phía Bắc: Giáp đầu đường Ven Núi (tại cổng Tam Lộ).

- Diện tích tự nhiên: 44,53 ha

- Dân số: Có 443 hộ/1.756 khẩu.

- Tổ dân cư: 09 tổ.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

8. Khu dân cư số 8

- Vị trí địa lý:

+ Phía Đông và Nam: Giáp khu dân cư số 6, từ đầu đường Đất Đỏ (nay là đường Phạm Văn Đồng) theo đường Võ Thị Sáu chạy qua ngã ba theo đường Nguyễn Huệ về ngã tư đầu đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ).

+ Phía Tây: Giáp Khu số 7 từ ngã ba đường Đất Đỏ (nay là đường Phạm Văn Đồng) - Võ Thị Sáu chạy dọc theo đường Đất Đỏ (nay là đường Phạm Văn Đồng) đến đường Nguyễn An Ninh.

+ Phía Bắc: Từ ngã tư đầu đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ) theo đường Nguyễn An Ninh (qua Nghĩa địa Tây – nay là công viên Phạm Văn Đồng) đến giáp đường Đất Đỏ (nay là đường Phạm Văn Đồng).

- Diện tích tự nhiên: 6,05 ha
- Dân số: Có 225 hộ/975 khẩu.
- Tổ dân cư: 05 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

9. Khu dân cư số 9

- Vị trí địa lý:
 - + Phía Đông: Dọc bờ biển từ cuối đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ) đến mũi Lò Vôi.
 - + Phía Tây: Từ ngã tư đường Nguyễn Huệ - Nguyễn An Ninh theo đường Nguyễn An Ninh, Lê Chí Hiếu kéo dài tới cổng Tam Lộ.
 - + Phía Nam: Giáp đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ). Từ ngã tư đầu đường Phạm Hùng (nay là đường Lê Đức Thọ) xuống bờ biển.
 - + Phía Bắc: Dọc theo suối từ mũi Lò Vôi vào cổng Tam Lộ (giáp khu dân cư số 2).

- Diện tích tự nhiên: 51,5 ha
- Dân số: Có 120 hộ/435 khẩu.
- Tổ dân cư: 03 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

10. Khu dân cư số 10

- Vị trí địa lý:
 - + Phía Đông giáp biển.
 - + Phía Tây giáp biển
 - + Phía Nam giáp biển
 - + Phía Bắc giáp khu dân cư số 3.

* Đường ranh giới: Xuất phát từ mũi Cá Mập theo đường đi Bến Đầm về hướng Bãi Nhát – Họng Đầm đến cảng Bến Đầm. Từ cảng Bến Đầm theo bờ biển, rẽ phải cắt ngang độ cao 525 đến Vịnh Côn Sơn (bao gồm quản lý diện tích hòn Anh, hòn Em, hòn Bà, hòn Trọc, hòn Tre Lớn, hòn Vung).

- * Diện tích: 1.753,4 ha.
- * Dân số: Có 197 hộ/816 khẩu.
- Tổ dân cư: 03 tổ.
- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Về nhân sự: (kèm theo phụ lục 1)

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP KHU DÂN CƯ

UBND huyện Côn Đảo đề xuất phương án sắp xếp, sáp nhập khu dân cư (từ 10 khu dân cư thành 09 khu dân cư), cụ thể như sau:

1. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở khu dân cư số 1 cũ, cắt giảm một phần diện tích chuyển sang khu dân cư số 2, 9 cũ; tiếp nhận diện tích hòn Trúng.

- Tên của khu dân cư sau khi kiện toàn: Khu dân cư số 1

- Vị trí địa lý:

- + Phía Đông giáp biển.

- + Phía Tây giáp khu dân cư số 2, biển.

- + Phía Nam giáp biển, khu dân cư số 9 cũ (khu dân cư số 8 mới).

- + Phía Bắc giáp biển.

- Đường ranh giới: Từ điểm có tọa độ $X = 376196,69$, $Y = 960906,86$ (mũi Lò Vôi), theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X = 379834,67$, $Y = 961591,06$ (mũi Tàu Bể), theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X = 380706,38$, $Y = 968527,65$ (gần mũi Đông Bắc), cắt thẳng đến C10 tại điểm có tọa độ $X = 374292,43$, $Y = 965567,93$ (bãi Đất Thảm), theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X = 375811,93$, $Y = 963709,26$, theo đường C10 đến điểm giao giữa đường đi Cỏ Ống - đường đi C10 tại điểm có tọa độ $X = 375825,45$, $Y = 962600,91$. Từ giao điểm đường đi Cỏ Ống - đường đi C10, theo hướng biển (đi theo núi mũi Lò Vôi) đến điểm có tọa độ $X = 376196,69$, $Y = 960906,86$ (mũi Lò Vôi).

- Diện tích tự nhiên: 2.133,1 ha.

- Dân số: 61 hộ/ 177 khẩu.

- Khu dân cư quản lý trực tiếp đến hộ gia đình.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2).

Do đặc thù cụm dân cư Cỏ Ống cách trung tâm 12 km, cụm dân cư ở tập trung tại khu vực Cỏ Ống; vì vậy đề nghị xem xét giảm tiêu chí quy mô số hộ gia đình dưới 200 hộ. Ngoài ra tại khu vực Cỏ Ống có khu du lịch Côn Sơn; cảng hàng không; cơ quan quân sự, biên phòng, công an, kiểm lâm, y tế, trung tâm văn hóa học tập cộng đồng,... Như vậy, khu dân cư số 01 có hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống người dân.

2. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở khu dân cư số 2 cũ, tiếp nhận diện tích hòn Tre Nhỏ và một phần diện tích của khu dân cư số 1; cắt giảm một phần diện tích và dân số chuyển sang khu dân cư số 3 (30 hộ/120 khẩu, từ hộ Nguyễn Thị Sương đến hộ Võ Hoàng Long).

- Tên của khu dân cư sau khi kiện toàn: Khu dân cư số 2.

- Diện tích tự nhiên là 1.070,44 ha.

- Dân số: 272 hộ/1.116 khẩu.

- Tổ dân cư: 4 tổ.

- Vị trí địa lý

- + Phía Đông giáp khu dân cư số 1.

- + Phía Tây giáp khu dân cư số 3, biển.

- + Phía Nam giáp Khu dân cư số 7, 9 cũ (khu dân cư số 6, 8 mới).

+ Phía Bắc giáp Biển.

- Đường ranh giới: Từ bãi Đất Thấm tại điểm có tọa độ $X = 374292,43$, $Y = 965567,93$ đến C10 tại điểm có tọa độ $X = 375811,93$, $Y = 963709,26$, theo đường C10 đến giao điểm đường đi Cỏ Ống - đường lên C10 tại điểm có tọa độ $X = 375825,45$, $Y = 962600,91$, rẽ phải theo đường đi Cỏ Ống đến đường Nguyễn Văn Cừ đến Cổng Tarn Lộ, rẽ phải theo mương nước thủy lợi đến giao điểm đường ven hồ Quang Trung II - đường nội bộ trong Nghĩa trang Hàng Dương (đường đi vào 3 cây nhang), theo đường ven hồ Quang Trung II đến giao điểm đường Võ Thị Sáu - đường ven hồ Quang Trung II (cổng hồ Quang Trung), rẽ phải theo đường Võ Thị Sáu đến giao điểm đường Võ Thị Sáu - đường Phan Chu Trinh - đường Huỳnh Thúc Kháng, rẽ trái theo đường Huỳnh Thúc Kháng đến giao điểm đường Huỳnh Thúc Kháng - đường nội bộ (tại hộ gia đình bà Nguyễn Thị Sương), rẽ phải theo đường nội bộ đến mương nước thủy lợi, rẽ trái theo mương nước thủy lợi đến đường đi Ông Đụng, rẽ phải theo đường đi Ông Đụng đến điểm có tọa độ $X = 372195,05$, $Y = 963060,75$ (Ông Đụng), rẽ phải theo bờ biển đến bãi Đất Thấm tại điểm có tọa độ $X = 374292,43$, $Y = 965567,93$.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2).

3. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở khu dân cư số 3 cũ, tiếp nhận một phần diện tích và dân số từ khu dân cư số 2 (30 hộ/120 khẩu, từ hộ ông Võ Hoàng Long đến hộ Nguyễn Thị Sương).

- Tên của khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 3.

- Diện tích tự nhiên là 1.420,61 ha (bao gồm cả mặt nước hồ Quang Trung 1).

- Dân số: 387 hộ/1576 khẩu.

- Tổ dân cư: 07 tổ

- Vị trí địa lý

+ Phía Đông giáp khu dân cư số 5, 6 cũ (khu dân cư số 4, 5 mới), và biển.

+ Phía Tây giáp khu dân cư số 10 cũ (khu dân cư số 9 mới), biển.

+ Phía Nam giáp khu dân cư số 10 cũ (khu dân cư số 9 mới).

+ Phía Bắc giáp khu dân cư số 2, biển.

- Đường ranh giới: Từ điểm có tọa độ $X = 372195,05$, $Y = 963060,75$ (Ông Đụng) đi theo đường Ông Đụng đến giao điểm đường đi Ông Đụng - mương nước thủy lợi (ranh Vườn Quốc Gia), rẽ trái theo mương nước thủy lợi đến giao điểm mương nước thủy lợi - đường nội bộ (khu vực đường nội bộ hộ gia đình ông Phạm Văn An), rẽ phải, theo đường nội bộ đến giao điểm đường nội bộ - đường Huỳnh Thúc Kháng, rẽ trái theo đường Huỳnh Thúc Kháng đến giao điểm đường Huỳnh Thúc Kháng - Phan Châu Trinh - Võ Thị Sáu, theo đường Võ Thị Sáu đến giao điểm đường Võ Thị Sáu - đường ven hồ Quang Trung 1, rẽ phải theo đường hồ Quang Trung 1 đến giao điểm đường ven hồ Quang Trung 1 - đường Nguyễn Văn Linh, rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Linh đến giao điểm đường Nguyễn Văn Linh - đường Huỳnh Thúc Kháng, rẽ trái theo đường Huỳnh Thúc Kháng

đến giao điểm đường Huỳnh Thúc Kháng - đường Hoàng Phi Yến, rẽ trái theo đường Hoàng Phi Yến đến giao điểm đường Hoàng Phi Yến - đường Nguyễn Đức Thuận - đường đi Bến Đầm (ngã ba), rẽ phải theo đường đi Bến Đầm đến cống thoát nước hồ An Hải, theo đường thoát nước hồ An Hải ra biển tại điểm có tọa độ $X=373306.40$, $Y=959543.18$, rẽ phải theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X=374722.70$, $Y=955701.00$, rẽ phải cắt thẳng theo hướng đỉnh Ra đa đến điểm có tọa độ $X=370850.77$, $Y=958669.78$ đến bãi Ông Cầu tại điểm có tọa độ $X=370396.99$, $Y=961400.15$, rẽ phải theo đường biển đến điểm có tọa độ $X=372195.05$, $Y=963060.75$ (bãi Ông Đụng).

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

4. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở sáp nhập khu dân cư số 4 cũ vào khu dân cư số 5 cũ, cắt giảm một phần diện tích và dân số tổ dân cư số 5 (7 hộ/21 khẩu) thuộc khu dân cư số 5 cũ chuyển sang khu dân cư số 6 cũ.

- Tên của khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 4.

- Diện tích tự nhiên là 83,95 ha.

- Dân số là 347 hộ/1.232 khẩu.

- Tổ dân cư: 6 tổ.

- Vị trí địa lý

- + Phía Đông giáp khu dân cư số 6 cũ (khu dân cư số 5 mới) và biển.

- + Phía Tây giáp khu dân cư số 3.

- + Phía Nam giáp khu dân cư số 3.

- + Phía Bắc giáp khu dân cư số 6 cũ (khu dân cư số 5 mới).

Đường ranh giới: Từ cống thoát nước hồ An Hải theo đường thoát nước hồ An Hải ra biển tại điểm có tọa độ $X=373306.40$, $Y=959543.18$, rẽ trái theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X=374048.19$, $Y=960211.15$ (vòng xoay con rùa), rẽ trái theo đường Lê Hồng Phong đến giao điểm đường Lê Hồng Phong - đường Nguyễn Văn Linh, rẽ trái theo đường Nguyễn Văn Linh đến giao điểm đường Nguyễn Văn Linh - đường Huỳnh Thúc Kháng, rẽ trái đến giao điểm đường Huỳnh Thúc Kháng - đường Hoàng Phi Yến, theo đường Hoàng Phi Yến đến cống thoát nước hồ An Hải theo đường thoát nước hướng ra biển đến điểm có tọa độ $X=373306.40$, $Y=959543.18$.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

5. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng khu dân cư số 6 cũ; tiếp nhận diện tích các hòn: Bảy Cạnh, Bông Lan, Cau, Tài Lớn, Tài Nhỏ, Trác Lớn, Trác Nhỏ và một phần diện tích, dân số tổ dân cư số 5 thuộc khu dân cư số 5 cũ (7 hộ/21 khẩu, từ hộ Trần Thị Kim Hoa đến hộ Lê Thanh Tú).

- Tên của khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 5.

- Diện tích tự nhiên là 934,82 ha.

- Dân số là 214 hộ/896 khẩu.

- Tổ dân cư: 4 tổ.
- Vị trí địa lý
- + Phía Đông giáp khu dân cư số 7, 8, 9 cũ (khu dân cư số 6, 7, 8 mới).
- + Phía Tây giáp khu dân cư số 3.
- + Phía Nam giáp biên, khu dân cư số 5 cũ (khu dân cư số 4 mới).
- + Phía Bắc giáp khu dân cư số 3.
- Đường ranh giới: Từ giao điểm đường Võ Thị Sáu với đường ven hồ Quang Trung 1 đi theo đường Võ Thị Sáu đến giao điểm đường Võ Thị Sáu với đường Nguyễn Huệ, rẽ trái theo đường Nguyễn Huệ đến giao điểm đường Nguyễn Huệ với đường Lê Đức Thọ, rẽ phải theo đường Lê Đức Thọ hướng ra biển đến điểm có tọa độ $X = 374568.19$, $Y = 960501.15$, rẽ phải theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X = 374048.19$, $Y = 960211.15$ (vòng xoay con rùa), rẽ phải theo đường Lê Hồng Phong đến giao điểm đường Lê Hồng Phong với đường Nguyễn Văn Linh, rẽ trái theo đường Nguyễn Văn Linh đến giao điểm đường Nguyễn Văn Linh với đường ven hồ Quang Trung 1, rẽ phải theo đường ven hồ Quang Trung 1 đến giao điểm đường ven hồ Quang Trung 1 với đường Võ Thị Sáu.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

6. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở khu dân cư số 7 cũ, cắt giảm diện tích và dân số của tổ dân cư số 8 (79 hộ/310 khẩu) chuyển sang khu dân cư số 9 cũ.

- Tên của khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 6
- Diện tích tự nhiên là 47,62 ha
- Dân số là 364 hộ/1.446 khẩu.
- Tổ dân cư: 8 tổ.
- Vị trí địa lý
- + Phía Đông giáp khu dân cư số 9 cũ (khu dân cư số 8 mới).
- + Phía Tây giáp khu dân cư số 6 cũ (khu dân cư 5 mới).
- + Phía Nam giáp khu dân cư số 8 cũ (khu dân cư số 7 mới).
- + Phía Bắc giáp khu dân cư số 2.

Đường ra giới: Từ giao điểm đường ven hồ Quang Trung II với đường nội bộ trong nghĩa trang Hàng Dương (khu vực 3 cây nhang) đi theo đường nội bộ trong Nghĩa trang đến đường Nguyễn An Ninh, theo đường Nguyễn An Ninh đến giao điểm đường Nguyễn An Ninh với đường Phạm Văn Đồng, rẽ phải theo đường Phạm Văn Đồng đến giao điểm đường Phạm Văn Đồng với đường Võ Thị Sáu (Ngân hàng Agribank), rẽ phải theo đường Võ Thị Sáu đến giao điểm đường Võ Thị Sáu với đường ven hồ Quang Trung 2 (cổng hồ Quang Trung 2). Từ giao điểm đường Võ Thị Sáu với đường ven hồ Quang Trung 2, rẽ phải theo đường ven hồ Quang Trung 2 đến điểm giao giữa đường ven hồ Quang Trung 2 với đường nội bộ trong Nghĩa trang Hàng Dương (khu vực 3 cây nhang).

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.
- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

7. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng khu dân cư số 8 cũ

- Tên của khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 7

- Diện tích tự nhiên là 7,54 ha;

- Dân số là 225 hộ/975 khẩu.

- Tổ dân cư: 5 tổ

+ Phía Đông giáp khu dân cư số 9 cũ (khu dân cư số 8 mới).

+ Phía Tây giáp với khu dân cư số 6 cũ (khu dân cư số 7 mới).

+ Phía Nam giáp khu dân cư số 6 (khu dân cư số 7 mới).

+ Phía Bắc giáp khu dân cư số 7 (khu dân cư số 6 mới).

- Đường ranh giới: Từ giao điểm đường Nguyễn An Ninh với đường Phạm Văn Đồng đi theo đường Nguyễn An Ninh đến giao điểm đường Nguyễn An Ninh với đường Lê Đức Thọ, theo đường Lê Đức Thọ đến giao điểm đường Lê Đức Thọ với Nguyễn Huệ, rẽ phải theo đường Nguyễn Huệ đến giao điểm đường Nguyễn Huệ với đường Võ Thị Sáu (quán café Ngộ), rẽ phải theo đường Võ Thị Sáu đến giao điểm đường Võ Thị Sáu với đường Phạm Văn Đồng (Ngân hàng Agribank), rẽ phải theo đường Phạm Văn Đồng đến giao điểm đường Phạm Văn Đồng với đường Nguyễn An Ninh (quán Như Ý).

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

8. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng khu dân cư số 9 cũ, tiếp nhận một phần diện tích khu dân cư số 1, diện tích và dân số tổ dân cư số 8 thuộc khu dân cư 7 cũ (79 hộ/310 khẩu).

- Tên khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 8

- Diện tích tự nhiên là 160,98 ha;

- Dân số là 199 hộ/745 người. Dự kiến, sau khi chung cư công vụ của Ban Chỉ huy quân sự huyện đi vào hoạt động, quy mô số hộ gia đình khu dân cư số 8 mới là 233 hộ (do tăng thêm 34 hộ).

- Tổ dân cư: 4 tổ.

- Vị trí địa lý

+ Phía Đông giáp khu dân cư số 1 mới.

+ Phía Tây giáp khu dân cư số 7, 8 cũ (khu dân cư số 6, 7 mới).

+ Phía Nam giáp biển.

+ Phía Bắc giáp khu dân cư số 2.

Đường ranh giới: Từ điểm có tọa độ X= 374568.19, Y= 960501.15 (bệnh viện cũ) theo đường Lê Đức Thọ đến giao điểm đường Lê Đức Thọ với đường Nguyễn An Ninh, rẽ phải theo đường Nguyễn An Ninh đến đường nội bộ trong nghĩa trang Hàng Dương (đường đi phía khu mộ B1), theo đường nội bộ trong nghĩa trang Hàng Dương đến giao điểm đường nội bộ trong Nghĩa trang Hàng Dương với đường ven hồ Quang Trung 2 (khu vực 3 cây nhang), rẽ phải đi theo đường mương thủy lợi đến Cống Tam Lộ, rẽ trái theo đường đi Cỏ Ống đến giao điểm đường đi Cỏ Ống - đường đi C10 tại điểm có tọa độ X= 375825.45, Y=

962600.91, rẽ phải cắt thẳng theo hướng ra biển đến điểm có tọa độ $X=376196.69$, $Y=960906.86$ (mũi Lò Vôi), rẽ phải theo bờ biển đến điểm có tọa độ $X=374568.19$, $Y=960501.15$ (bệnh viện cũ).

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

9. Sắp xếp khu dân cư trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng khu dân cư số 10 cũ (gồm hòn Anh, hòn Em, hòn Bà, hòn Trọc, hòn Tre lớn, hòn Vung).

- Tên khu dân cư sau khi sắp xếp: Khu dân cư số 9

- Diện tích tự nhiên là 1.700,6 ha

- Dân số là 197 hộ/816 người.

- Tổ dân cư: 3 tổ.

Do đặc thù, cụm dân cư Bến Đầm cách trung tâm 12 km, vì vậy đề nghị xem xét giảm tiêu chí quy mô số hộ gia đình dưới 200 hộ. Tại khu vực Bến Đầm có khu du lịch Việt Nga; hệ thống cảng biển; cơ quan quân sự, biên phòng, hải quân, công an, kiểm lâm, hải quan, y tế; có nhiều doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh,...Như vậy, khu dân cư số 10 có hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống người dân.

- Vị trí địa lý

- + Phía Đông giáp khu dân cư số 3.

- + Phía Tây giáp biển.

- + Phía Nam giáp biển.

- + Phía Bắc giáp biển.

- Đường ranh giới: Từ mũi cá Mập tại điểm có tọa độ $X=374722.70$, $Y=955701.00$, cắt thẳng theo hướng đỉnh Ra đa đến điểm có tọa độ $X=370850.77$, $Y=958669.78$, đến bãi Ông Cầu tại điểm có tọa độ $X=370396.99$, $Y=961400.15$, rẽ trái theo bờ biển đến mũi Cá Mập tại điểm có tọa độ $X=374722.70$, $Y=955701.00$.

- Đã có trụ sở khu dân cư; Chi bộ có cấp ủy.

- Nhân sự được sắp xếp sau khi thực hiện việc kiện toàn (kèm theo phụ lục 2)

V. PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP

Sau khi sắp xếp, sáp nhập giảm 01 khu dân cư, tổng số khu dân cư trên địa bàn huyện Côn Đảo từ 10 khu dân cư còn 09 khu dân cư.

1. Số người hoạt động không chuyên trách ở 09 khu dân cư, cụ thể như sau:

- Bí thư chi bộ: 07 người;

- Trưởng khu: 09 người (05 Phó Bí thư kiêm nhiệm Trưởng khu);

- Phó Trưởng khu: 09 người;

- Công an viên: 09 người;

- Khu đội trưởng: 09 người (01 Chi hội trưởng Cựu chiến binh, 01 Phó Bí thư kiêm nhiệm Khu đội trưởng);
- Chi hội trưởng chi hội Phụ nữ: 09 người (01 Phó Bí thư kiêm nhiệm Chi hội trưởng);
- Chi hội trưởng Cựu chiến binh: 08 người (01 Khu đội trưởng kiêm nhiệm Chi hội trưởng);
- Chi hội trưởng Nông dân: 08 người (01 Phó Bí thư kiêm nhiệm Chi hội trưởng);
- Bí thư chi đoàn: 07 người;
- Trưởng Ban công tác mặt trận: 09 người (01 Chi hội trưởng Cựu chiến binh kiêm nhiệm Trưởng ban);
- Phó Bí thư chi bộ: 07 người;
- Chi hội phó chi hội Phụ nữ: 16 người (01 Chi hội trưởng Cựu chiến binh, 01 phó khu dân cư kiêm nhiệm Chi hội phó);
- Chi hội phó Cựu chiến binh: 08 người (01 khu đội trưởng, 01 chi hội phó phụ nữ kiêm nhiệm Chi hội phó);
- Chi hội phó Nông dân: 14 người (02 Công an viên kiêm nhiệm Chi hội phó);
- Phó Bí thư chi đoàn: 07 người;
- Phó Trưởng Ban công tác mặt trận: 09 người (01 Công an viên kiêm nhiệm Phó trưởng ban).

2. Kinh phí hoạt động và phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách của 09 khu dân cư trong một năm, cụ thể như sau:

2.1 Phụ cấp của Bí thư chi bộ trong một năm là:

07 người x 1,7 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 198.492.000 đồng

2.2 Phụ cấp của Phó Bí thư chi bộ trong một năm là:

01 người x 1,3 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 21.684.000 đồng

06 người x 1,3 x 1.390.000 đồng x 20% x 12 tháng = 26.020.800 đồng

2.3 Phụ cấp của Trưởng khu dân cư trong một năm là:

09 người x 1,7 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 255.204.000 đồng

2.4 Phụ cấp của Phó Trưởng khu dân cư trong một năm là:

09 người x 1,3 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 195.156.000 đồng

2.5 Phụ cấp của Công an viên trong một năm là:

09 người x 1,7 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 255.204.000 đồng

2.6 Phụ cấp của Khu đội trưởng trong một năm là:

09 người x 1,7 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 255.204.000 đồng

2.7 Phụ cấp của Trưởng Ban công tác mặt trận trong một năm là:

09 người x 1,7 x 1.390.000 đồng x 12 tháng = 255.204.000 đồng

2.8 Phụ cấp của Bí thư chi đoàn, Chi hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Cựu chiến binh trong một năm là:

$30 \text{ người} \times 1,3 \times 1.390.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 650.520.000 \text{ đồng}$

$01 \text{ người} \times 1,3 \times 1.390.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 12 \text{ tháng} = 4.336.800 \text{ đồng}$

2.9 Phụ cấp của Phó Trưởng Ban công tác mặt trận, Phó Bí thư chi đoàn, Chi hội phó Nông dân, Chi hội phó Phụ nữ, Chi hội phó Cựu chiến binh trong một năm là:

$53 \text{ người} \times 1,0 \times 1.390.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 884.040.000 \text{ đồng}$

2.10 Khoản kinh phí hoạt động ở khu dân cư trong một năm là:

$09 \text{ khu dân cư} \times 15.000.000 \text{ đồng} = 135.000.000 \text{ đồng}$

Tổng kinh phí cấp cho 09 khu dân cư trong một năm là: 3.136.065.600 đồng.

3. Nhân sự dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập

Khu dân cư số 4 sau khi sáp nhập vào khu dân cư số 5, số nhân sự giữ các chức danh không chuyên trách tại khu dân cư số 4 sẽ thôi thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP KHU DÂN CƯ

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì phương án chia tách, sáp nhập các khu dân cư đáp ứng một số điều kiện như: tinh gọn tổ chức bộ máy đối với khu dân cư đề nghị sáp nhập, cân đối hài hòa diện tích, dân số đối với các khu dân cư có diện tích rộng, dân số đông, thuận lợi trong công tác quản lý ở địa bàn, tập trung đầu tư hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - trật tự trên địa bàn. Đề án sắp xếp, sáp nhập các khu dân cư trên địa bàn huyện đã được UBND huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tổ chức lấy ý kiến người dân và được đa số nhân dân đồng tình ủng hộ (trên 50%) trước khi UBND huyện trình Hội đồng nhân dân thông qua.

- Hiện nay có 7/7 Chi bộ có cấp ủy (tỷ lệ 100%), sau khi thực hiện đề án sắp xếp trên địa bàn huyện còn lại 9 khu dân cư, Chi bộ khu dân cư có cấp ủy (tỷ lệ 100%) .

- Theo phương án đề xuất sau khi sắp xếp, sáp nhập còn lại 09 khu dân cư, giảm 01 khu dân cư, mỗi năm trên địa bàn huyện giảm chi ngân sách cho hoạt động của khu dân cư là 298.560.000 đồng (tổng kinh phí chi hỗ trợ trước khi sáp nhập là 3.434.625.600 đồng, sau khi sáp nhập là 3.136.065.600 đồng).

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập có 09/09 khu dân cư có trụ sở làm việc. Về công tác nhân sự, sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ không chuyên trách khu dân cư số 4 sẽ thôi làm cán bộ không chuyên trách khu dân cư theo quy định.

Như vậy, sau khi thực hiện đề án sắp xếp, sáp nhập trên địa bàn huyện Côn Đảo từ 10 khu dân cư còn 09/10 khu dân cư; giảm 01 khu dân cư, 11 người là cán bộ không chuyên trách so với hiện nay. Việc thực hiện đề án sắp xếp, sáp nhập khu dân cư nhằm tinh gọn tổ chức, con người, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền, giảm chi phí ngân sách và nâng cao hiệu quả đầu tư hạ

tầng kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, không gây xáo trộn về cơ cấu kinh tế và nhu cầu sản xuất của nhân dân, phù hợp và cân đối theo quy hoạch và phát triển chung của địa phương, phù hợp với đặc điểm và tập quán sinh hoạt, tín ngưỡng của cộng đồng dân cư, thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh và đi lại của nhân dân trên địa bàn.

VII. KIẾN NGHỊ

Dân số tại khu dân cư số 1 và 9 chưa đạt quy định về quy mô số hộ gia đình theo quy định (dưới 200 hộ gia đình). Tuy nhiên, do đặc thù, cụm dân cư Bến Đầm, Cỏ Ống cách trung tâm Côn Đảo 12 km; không thực hiện được việc ghép vào khu dân cư liền kề. Mặt khác, tại khu vực Bến Đầm, Cỏ Ống có các khu du lịch; hệ thống cảng biển, cảng hàng không; cơ quan quân sự, biên phòng, công an, kiểm lâm, hải quan, y tế, có nhiều doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh,...

Như vậy, khu dân cư số 1 và 9 có hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống người dân. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị xem xét không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình dưới 200 hộ đối với khu dân cư số 1 và 9.

Trên đây là Đề án sắp xếp, sáp nhập các khu dân cư trên địa bàn huyện Côn Đảo; Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TTr. Huyện ủy;
- Hội đồng nhân dân huyện;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Lưu: VT, NVLDTB&XH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phong

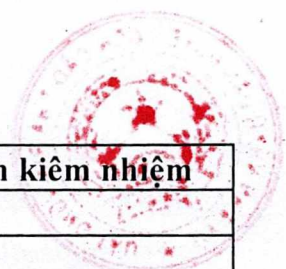


Phụ lục 1

THỰC TRẠNG NHÂN SỰ 10 KHU DÂN CƯ TRƯỚC KHI SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số 03 /ĐA-UBND ngày 04 / 4 /2019 của UBND huyện)

Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
	Khu dân cư số 1		
1	Ngô Ngọc Hồi	Bí thư chi bộ khu 1	
2	Trần Thị Dương	Phó Bí thư chi bộ khu 1	Trưởng khu dân cư
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phó khu	
4	Đỗ Văn Tới	Công an viên	
5	Lê Thanh Hải	Khu đội trưởng	Phó Chủ tịch Hội CCB
6	Võ Thị Vân	Trưởng Ban công tác MTCS	
7	Võ Thị Quới	Phó BCTMT	
8	Triệu Chí Tâm	Chi hội trưởng nông dân	
9	Nguyễn Thanh Sang	Chi hội phó nông dân	
10	Đỗ Thị Chi	Bí thư chi đoàn khu 1	
11	Ngô Thị Thu Hương	Phó Bí thư chi đoàn khu 1	
12	Ngô Ngọc Tiên	Chủ tịch Hội CCB	
13	Nguyễn Thị Lua	Chi hội trưởng phụ nữ	
14	Nguyễn Thị Ngọc Triệu	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 2		
1	Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng khu	
2	Cao Thị Hiền	Phó khu	Chi hội phó phụ nữ
3	Nguyễn Văn Sản	Công an viên	
4	Nguyễn Văn Bé	Khu đội trưởng	Chủ tịch Hội CCB
5	Hoàng Thị Liên	Trưởng BCTMT	
6	Nguyễn Thị Hồng Xuân	Phó Ban công tác MTCS	
7	Đoàn Văn Định	Chi hội trưởng nông dân	
8	Cao Thị Xuân Mai	Chi hội phó nông dân	
9	Lê Thùy Thuận	Chi hội phó nông dân	
10	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Bí thư chi đoàn khu 2,3	
11	Lê Hồng Phong	Phó Bí thư chi đoàn khu 2,3	
12	Bùi Văn Đức	PCT Hội CCB	
13	Chiêm Thị Mỹ Diệp	Chi hội trưởng phụ nữ	
14	Trần Quý Mão	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 3		
1	Lê Thị Thanh Hoa	Bí thư chi bộ 26	
2	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Bí thư chi bộ 26	Trưởng khu dân cư



Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
3	Lê Hồng Em	Phó khu	
4	Đoàn Văn Phương	Công an viên	
5	Nguyễn Văn Ngoan	Khu đội trưởng	
6	Nguyễn Hoàng Tuấn	Trưởng Ban công tác MTCS	Chủ tịch Hội CCB
7	Nguyễn Đức Tuấn	Phó BCTMT	
8	Trần Kim Lợi	Chi hội trưởng nông dân	
9	Đoàn Văn Phương	Công an viên	Chi hội phó nông dân
10	Ngô Ngọc Thuận	Chi hội phó nông dân	
11	Võ Hùng Bình	PCT Hội CCB	
12	Nguyễn Thị Thoài	Chi hội trưởng phụ nữ	
13	Nguyễn Thị Thúy	Chi hội phó phụ nữ	
14	Đinh Viêt Thu Thủy	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 4		
1	Lê Xuân Dũng	Bí thư chi bộ 18	
2	Trương Thị Lan Phương	Trưởng khu dân cư	Khu đội trưởng
3	Nguyễn Thị Thơ	Phó khu	
4	Bùi Văn Báu	Công an viên	
5	Trương Thị Minh	Trưởng BCTMT	
6	Đặng Thị Hằng	Phó BCTMT	
7	Vũ Thị Lan Anh	Chi hội trưởng nông dân	
8	Đinh Thị Xanh	Chi hội phó nông dân	
9	Đồng Đức Đoàn	Chủ tịch Hội CCB	
10	Võ Thị Nguyên Chung	Chi hội trưởng phụ nữ	
11	Trương Thị Phồn	Chi hội phó phụ nữ	PCT Hội CCB
12	Lê Thị Thanh	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 5		
1	Đỗ Văn Hải	Trưởng khu dân cư	
2	Trần Kim Lệ Thi	Phó khu	
3	Trương Hữu Lắm	Công an viên	
4	Bùi Nguyễn Tiến	Khu đội trưởng	
5	Trương Thị Yên	Trưởng BCTMT	
6	Lê Thị Kim Hoàng	Phó BCTMT	
7	Đỗ Thanh Hùng	Bí thư chi đoàn khu 4,5	
8	Huỳnh Thúy Diễm	Phó Bí thư chi đoàn khu 4,5	
9	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó bí thư chi bộ 18	Chi hội trưởng nông dân
10	Nguyễn Thanh Kiệt	Chi hội phó nông dân	
11	Trần Thị Ngọc Hiền	Chi hội phó nông dân	



Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
12	Nguyễn Văn Dự	Chủ tịch Hội CCB	
13	Nguyễn Trung Thành	PCT Hội CCB	
14	Nguyễn Thị Phụng	Chi hội trưởng phụ nữ	
15	Nguyễn Thị Phương Thùy	Chi hội phó phụ nữ	
16	Ngô Thị Thanh Nga	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 6		
1	Nguyễn Thị Diên	Bí thư chi bộ khu 6	
2	Phan Văn Phong	Phó Bí thư khu 6	Trưởng khu dân cư
3	Lê Văn Quá	Phó khu	
4	Nguyễn Đức Hải	Công an viên	
5	Lê Đức Ái	Khu đội trưởng	Chủ tịch Hội CCB
6	Bùi Thị Tuyết Mai	Trưởng BCTMT	
7	Hồ Thị Nữ	Phó BCTMT	
8	Thạch Thị Ngọc Hương	Bí thư chi đoàn khu 6	
9	Lê Thị Thảo Nguyên	Phó Bí thư chi đoàn khu 6	
10	Diệp Thị Ánh	Chi hội trưởng nông dân	
11	Trần Thị Đông	Chi hội phó nông dân	
12	Ngô Thị Hường	Chi hội phó nông dân	
13	Trần Anh Việt	PCT Hội CCB	
14	Nguyễn Thị Hiếu	Chi hội trưởng phụ nữ	
15	Nguyễn Thị Lư	Chi hội phó phụ nữ	
16	Tổng Thị Kim Hoa	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 7		
1	Lê Xuân Tao	Bí thư chi bộ khu 7	
2	Nguyễn Nghị	Phó Bí thư khu 7	Trưởng khu dân cư
3	Bùi Thị Phụng	Phó khu	
4	Diệp Quang Hoà	Công an viên	PCT Hội CCB
5	Cao Vũ Linh	Khu đội trưởng	
6	Bùi Thị Tuyết Nhung	Trưởng BCTMT	
7	Nguyễn Thị Phụng	Phó BCTMT	
8	Võ Thị Bạch Đằng	Bí thư chi đoàn khu 7	
9	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Phó Bí thư chi đoàn khu 7	
10	Trần Thị Hoàn	Chi hội trưởng nông dân	
11	Nguyễn Thị Hường	Chi hội phó nông dân	
12	Nguyễn Thị Kim Lan	Chi hội phó nông dân	
13	Lương Văn Mậu	Chủ tịch Hội CCB	
14	Đỗ Thị Loan	Chi hội trưởng phụ nữ	

Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
15	Thái Thị Thủy	Chi hội phó phụ nữ	
16	Đặng Thị Duyên	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 8		
1	Trương Huy Lam	Bí thư chi bộ khu 8	Khu đội trưởng
2	Phạm Thị Năm	Phó Bí thư khu 8	Trưởng khu dân cư, Chi hội trưởng phụ nữ
3	Lưu Xuân Dung	Phó khu	
4	Nguyễn Bé Tư	Công an viên	Chi hội phó nông dân
5	Lê Văn Tạo	Trưởng BCTMT	
6	Nguyễn Kim Hoa	Phó BCTMT	
7	Nguyễn Kim Hoa	Bí thư chi đoàn khu 8	
8	Trần Thị Phương Dung	Phó Bí thư chi đoàn khu 8	
9	Đỗ Thị Thu Hương	Chi hội trưởng nông dân	
10	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Chi hội phó nông dân	
11	Nguyễn Xuân Phụng	Chủ tịch Hội CCB	
12	Trần Hải Lý	PCT Hội CCB	
13	Trần Thị Kim Hoàng	Chi hội phó phụ nữ	
14	Nguyễn Kim Hồng	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 9		
1	Trương Văn Trắc	Bí thư chi bộ khu 9	
2	Phạm Thị Mai	Phó Bí thư khu 9	
3	Trần Hoàng Thao	Trưởng khu	
4	Trần Thị Thanh Thùy	Phó khu	
5	Phạm Văn Đường	Công an viên	
6	Trần Văn Phóng	Khu đội trưởng	PCT Hội CCB
7	Vũ Văn Phúc	Trưởng BCTMT	
8	Nguyễn Văn Toán	Phó BCTMT	
9	Huỳnh Định Phong	Bí thư chi đoàn khu 9	
10	Nguyễn Đắc Tuấn	Phó Bí thư chi đoàn khu 9	
11	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Chi hội trưởng nông dân	
12	Lê Thị Huệ	Chi hội phó nông dân	
13	Nguyễn Văn Công	Chủ tịch Hội CCB	
14	Phạm Thị Thái	Chi hội trưởng phụ nữ	
15	Trần Thị Vịnh	Chi hội phó phụ nữ	
16	Dương Thị Chi	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 10		
1	Phạm Văn Khởi	Trưởng khu	
2	Đào Khánh Hân	Phó khu	



Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
3	Lê Minh Hùng	Công an viên	Phó BCTMT
4	Tạ Văn Biên	Khu đội trưởng	
5	Văn Công Hoàng Nhanh	Trưởng BCTMT	
6	Nguyễn Thị Huệ	Chi hội trưởng phụ nữ	
7	Trần Thị Mỹ Tiên	Chi hội phó phụ nữ	
	Tổng cộng: 139 người		



Phụ lục 2

NHÂN SỰ 9 KHU DÂN CƯ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP

(Kèm theo Đề án số 03 /ĐA-UBND ngày 04/ 4 /2019 của UBND huyện)

Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
	Khu dân cư số 1		
1	Ngô Ngọc Hồi	Bí thư chi bộ khu 1	
2	Trần Thị Dương	Phó Bí thư chi bộ khu 1	Trưởng khu dân cư
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phó khu	
4	Đỗ Văn Tới	Công an viên	
5	Lê Thanh Hải	Khu đội trưởng	Phó Chủ tịch Hội CCB
6	Võ Thị Vân	Trưởng Ban công tác MTCS	
7	Võ Thị Quới	Phó BCTMT	
8	Triệu Chí Tâm	Chi hội trưởng nông dân	
9	Nguyễn Thanh Sang	Chi hội phó nông dân	
10	Đỗ Thị Chi	Bí thư chi đoàn khu 1	
11	Ngô Thị Thu Hương	Phó Bí thư chi đoàn khu 1	
12	Ngô Ngọc Tiên	Chủ tịch Hội CCB	
13	Nguyễn Thị Lua	Chi hội trưởng phụ nữ	
14	Nguyễn Thị Ngọc Triệu	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 2		
1	Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng khu	
2	Cao Thị Hiền	Phó khu	Chi hội phó phụ nữ
3	Nguyễn Văn Sản	Công an viên	
4	Nguyễn Văn Bé	Khu đội trưởng	Chủ tịch Hội CCB
5	Hoàng Thị Liên	Trưởng BCTMT	
6	Nguyễn Thị Hồng Xuân	Phó Ban công tác MTCS	
7	Đoàn Văn Định	Chi hội trưởng nông dân	
8	Cao Thị Xuân Mai	Chi hội phó nông dân	
9	Lê Thùy Thuận	Chi hội phó nông dân	
10	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Bí thư chi đoàn khu 2,3	
11	Lê Hồng Phong	Phó Bí thư chi đoàn khu 2,3	
12	Bùi Văn Đức	PCT Hội CCB	
13	Chiêm Thị Mỹ Diệp	Chi hội trưởng phụ nữ	
14	Trần Quý Mão	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 3		
1	Lê Thị Thanh Hoa	Bí thư chi bộ 26	
2	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Bí thư chi bộ 26	Trưởng khu dân cư



Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
3	Lê Hồng Em	Phó khu	
4	Đoàn Văn Phương	Công an viên	
5	Nguyễn Văn Ngoan	Khu đội trưởng	
6	Nguyễn Hoàng Tuấn	Trưởng Ban công tác MTCS	Chủ tịch Hội CCB
7	Nguyễn Đức Tuấn	Phó BCTMT	
8	Trần Kim Lợi	Chi hội trưởng nông dân	
9	Đoàn Văn Phương	Công an viên	Chi hội phó nông dân
10	Ngô Ngọc Thuận	Chi hội phó nông dân	
11	Võ Hùng Bình	PCT Hội CCB	
12	Nguyễn Thị Thoài	Chi hội trưởng phụ nữ	
13	Nguyễn Thị Thúy	Chi hội phó phụ nữ	
14	Đinh Viết Thu Thủy	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 4		
1	Lê Xuân Dũng	Bí thư chi bộ 18	
2	Đỗ Văn Hải	Trưởng khu dân cư	
3	Trần Kim Lệ Thi	Phó khu	
4	Trương Hữu Lắm	Công an viên	
5	Bùi Nguyễn Tiến	Khu đội trưởng	
6	Trương Thị Yến	Trưởng BCTMT	
7	Lê Thị Kim Hoàng	Phó BCTMT	
8	Đỗ Thanh Hùng	Bí thư chi đoàn khu 4,5	
9	Huỳnh Thúy Diễm	Phó Bí thư chi đoàn khu 4,5	
10	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó bí thư chi bộ 18	Chi hội trưởng nông dân
11	Nguyễn Thanh Kiệt	Chi hội phó nông dân	
12	Trần Thị Ngọc Hiền	Chi hội phó nông dân	
13	Nguyễn Văn Dự	Chủ tịch Hội CCB	
14	Nguyễn Trung Thành	PCT Hội CCB	
15	Nguyễn Thị Phượng	Chi hội trưởng phụ nữ	
16	Nguyễn Thị Phương Thùy	Chi hội phó phụ nữ	
17	Ngô Thị Thanh Nga	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 5		
1	Nguyễn Thị Diên	Bí thư chi bộ khu 5	
2	Phan Văn Phong	Phó Bí thư khu 5	Trưởng khu dân cư
3	Lê Văn Quá	Phó khu	
4	Nguyễn Đức Hải	Công an viên	
5	Lê Đức Ái	Khu đội trưởng	Chủ tịch Hội CCB



Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
6	Bùi Thị Tuyết Mai	Trưởng BCTMT	
7	Hồ Thị Nữ	Phó BCTMT	
8	Thạch Thị Ngọc Hương	Bí thư chi đoàn khu 5	
9	Lê Thị Thảo Nguyên	Phó Bí thư chi đoàn khu 5	
10	Diệp Thị Ánh	Chi hội trưởng nông dân	
11	Trần Thị Đông	Chi hội phó nông dân	
12	Ngô Thị Hường	Chi hội phó nông dân	
13	Trần Anh Việt	PCT Hội CCB	
14	Nguyễn Thị Hiếu	Chi hội trưởng phụ nữ	
15	Nguyễn Thị Lư	Chi hội phó phụ nữ	
16	Tổng Thị Kim Hoa	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 6		
1	Lê Xuân Tao	Bí thư chi bộ khu 6	
2	Nguyễn Nghị	Phó Bí thư khu 6	Trưởng khu dân cư
3	Bùi Thị Phụng	Phó khu	
4	Diệp Quang Hoà	Công an viên	PCT Hội CCB
5	Cao Vũ Linh	Khu đội trưởng	
6	Bùi Thị Tuyết Nhung	Trưởng BCTMT	
7	Nguyễn Thị Phụng	Phó BCTMT	
8	Võ Thị Bạch Đằng	Bí thư chi đoàn khu 6	
9	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Phó Bí thư chi đoàn khu 6	
10	Trần Thị Hoàn	Chi hội trưởng nông dân	
11	Nguyễn Thị Hường	Chi hội phó nông dân	
12	Nguyễn Thị Kim Lan	Chi hội phó nông dân	
13	Lương Văn Mậu	Chủ tịch Hội CCB	
14	Đỗ Thị Loan	Chi hội trưởng phụ nữ	
15	Thái Thị Thủy	Chi hội phó phụ nữ	
16	Đặng Thị Duyên	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 7		
1	Trương Huy Lam	Bí thư chi bộ khu 7	Khu đội trưởng
2	Phạm Thị Năm	Phó Bí thư khu 7	Trưởng khu dân cư, Chi hội trưởng phụ nữ
3	Lưu Xuân Dung	Phó khu	
4	Nguyễn Bé Tư	Công an viên	Chi hội phó nông dân
5	Lê Văn Tạo	Trưởng BCTMT	
6	Nguyễn Kim Hoa	Phó BCTMT	
7	Nguyễn Kim Hoa	Bí thư chi đoàn khu 7	
8	Trần Thị Phương Dung	Phó Bí thư chi đoàn khu 7	



Stt	Họ và tên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm
9	Đỗ Thị Thu Hương	Chi hội trưởng nông dân	
10	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Chi hội phó nông dân	
11	Nguyễn Xuân Phụng	Chủ tịch Hội CCB	
12	Trần Hải Lý	PCT Hội CCB	
13	Trần Thị Kim Hoàng	Chi hội phó phụ nữ	
14	Nguyễn Kim Hồng	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 8		
1	Trương Văn Trắc	Bí thư chi bộ khu 8	
2	Phạm Thị Mai	Phó Bí thư khu 8	
3	Trần Hoàng Thao	Trưởng khu	
4	Trần Thị Thanh Thùy	Phó khu	
5	Phạm Văn Đường	Công an viên	
6	Trần Văn Phóng	Khu đội trưởng	PCT Hội CCB
7	Vũ Văn Phúc	Trưởng BCTMT	
8	Nguyễn Văn Toán	Phó BCTMT	
9	Huỳnh Định Phong	Bí thư chi đoàn khu 8	
10	Nguyễn Đắc Tuấn	Phó Bí thư chi đoàn khu 8	
11	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Chi hội trưởng nông dân	
12	Lê Thị Huệ	Chi hội phó nông dân	
13	Nguyễn Văn Công	Chủ tịch Hội CCB	
14	Phạm Thị Thái	Chi hội trưởng phụ nữ	
15	Trần Thị Vịnh	Chi hội phó phụ nữ	
16	Dương Thị Chi	Chi hội phó phụ nữ	
	Khu dân cư số 9		
1	Phạm Văn Khởi	Trưởng khu	
2	Đào Khánh Hân	Phó khu	
3	Lê Minh Hùng	Công an viên	Phó BCTMT
4	Tạ Văn Biên	Khu đội trưởng	
5	Văn Công Hoàng Nhanh	Trưởng BCTMT	
6	Nguyễn Thị Huệ	Chi hội trưởng phụ nữ	
7	Trần Thị Mỹ Tiên	Chi hội phó phụ nữ	
	Tổng cộng: 128 người		